

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2471 /BNN-KHCN
V/v Báo cáo kết quả khoa học, công
nghệ và đổi mới sáng tạo.

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Các Cục, Viện, Trường, Trung tâm thuộc Bộ, Doanh nghiệp
triển khai nhiệm vụ KHCN

Đề có cơ sở xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo năm 2024, trên cơ sở hướng dẫn của Công văn số 938/BKHCN-KHTC ngày 6/4/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022, 06 tháng đầu năm 2023 và ước thực hiện 06 tháng cuối năm 2023 như sau:

1. Thực hiện việc đánh giá từng nội dung kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) năm 2022, 06 tháng đầu năm 2023 và ước thực hiện 06 tháng cuối năm 2023 theo hướng dẫn và hệ thống Biểu mẫu báo cáo tại Phụ lục kèm theo công văn. Việc đánh giá và báo cáo phải thể hiện được:

a) Kết quả nổi bật của hoạt động KH, CN & ĐMST thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Nhận xét đánh giá về: tác động, hiệu quả của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào đời sống, nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của ngành, số lượng giống cây trồng, vật nuôi đã được công nhận, đóng góp trong việc hỗ trợ phục hồi phát triển kinh tế sau đại dịch COVID-19, tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị (theo ba trục sản phẩm: Sản phẩm quốc gia, Sản phẩm chủ lực địa phương, Sản phẩm OCOP) để nâng cao chất lượng và giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh.

Hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thể hiện bằng giá trị khoa học (số lượng công trình nghiên cứu đã công bố quốc tế và trong nước; số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp khác được cấp văn bằng bảo hộ) và giá trị thực tế (doanh thu, lợi nhuận, bảo vệ môi trường, số lượng người được tập huấn, đào tạo do hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ mang lại, số hợp đồng chuyển giao công nghệ).

b) Đối với các phòng thí nghiệm trọng điểm, căn cứ quy định tại Thông tư số 06/2010/TT-BKHCN ngày 02 tháng 7 năm 2010 để đánh giá hoạt động và

báo cáo việc sử dụng kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên năm 2022 cho các hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm; đề xuất về giải pháp xử lý các vướng mắc, tồn tại trong hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm; giải pháp điều chỉnh hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm (bao gồm cả cơ chế hoạt động của Hội đồng Phòng thí nghiệm trọng điểm) để khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc có thể tự chủ về tài chính giai đoạn đến 2025.

c) Những khó khăn, tồn tại, vướng mắc cần khắc phục. Nêu rõ các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động KH, CN & ĐMST, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách bảo đảm hiệu quả của hoạt động KH, CN & ĐMST cho giai đoạn đến 2025.

d) Các kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động KH, CN & ĐMST của đơn vị trong quá trình thực hiện, xây dựng cơ chế chính sách bảo đảm hiệu quả của hoạt động KH, CN & ĐMST trong những năm tiếp theo.

2. Chú ý đánh giá một số nội dung hoạt động KH&CN khác như:

a) Lĩnh vực Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng

- Tình hình và kết quả thực hiện việc xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành và tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật;

- Kết quả hoạt động đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; kết quả hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường;

- Kết quả hoạt động quản lý đo lường, quản lý phương tiện đo;

- Kết quả hoạt động quản lý, áp dụng mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;

- Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc chương trình, đề án, kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ ban hành (Quyết định số 1322/QĐ-TTg ban hành Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 -2030; Quyết định số 996/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 100/QĐ-QĐ-TTg phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Quyết định số 36/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 -2030).

b) Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ

- Kết quả thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ; công tác hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ;

- Kết quả ban hành cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ theo Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử

- Tình hình thực hiện cơ chế, chính sách và quy định pháp luật về năng lượng nguyên tử;

- Kết quả nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực vào đời sống, nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội...;

- Các giải pháp thúc đẩy phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

c) Kết quả thực hiện công tác thông tin và thống kê KH&CN

- Việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11 tháng 6 năm 2014.

- Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 10/2017/TT- BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017.

d) Kết quả thực hiện các công tác đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ

đ) Kết quả phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

e) Các kết quả khác

- Đánh giá kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các chương trình và nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, chương trình và nhiệm vụ KH&CN trọng điểm cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, các dự án hợp tác quốc tế, ODA, các chương trình phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có).

- Tình hình thực thi chính sách hỗ trợ chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam. Đề xuất định hướng ưu tiên chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và khả năng làm chủ, sáng tạo công nghệ trong nước.

- Tình hình và kết quả thực hiện các dự án đầu tư: xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm hoặc trạm, trại nghiên cứu.

- Kết quả và tình hình thực hiện các cơ chế và chính sách quản lý KH, CN & ĐMST, trong đó đặc biệt chú ý tình hình thực hiện: cơ chế, chính sách về tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước; cơ chế, chính sách về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; cơ chế, chính sách và quy định quản lý tài chính liên

quan đến việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN; cơ chế, chính sách về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp v.v...

3. Thời hạn báo cáo

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022, 06 tháng đầu năm 2023 và ước thực hiện 06 tháng cuối năm 2023 gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường), địa chỉ số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội **trước ngày 30/5/2023**.

Ngoài văn bản gửi theo đường công văn cần gửi 01 file điện tử qua địa chỉ Email: khth.khcn@mard.gov.vn; kh.khcn@mard.gov.vn; cn.khcn@mard.gov.vn.

Để thuận tiện cho việc tổng hợp báo cáo, đề nghị đơn vị tham khảo Công văn hướng dẫn và các biểu mẫu trên các trang thông tin điện tử của Bộ: www.mard.gov.vn và www.khcn.mard.gov.vn.

Báo cáo tình hình, đánh giá kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2023, 6 tháng đầu năm 2023, ước thực hiện đến hết tháng 12 năm 2023 là căn cứ quan trọng để xây dựng kế hoạch năm 2024 gửi Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ. Đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Phùng Đức Tiến (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG**



Thuy
Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phụ lục
DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU
(Kèm theo Công văn số /BNN-KHCN ngày tháng năm
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Biểu TK1-1: Kết quả hoạt động KH&CN năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023.

Biểu TK1-2: Kết quả hoạt động KH&CN nổi bật 2022 và 06 tháng đầu năm 2023.

Biểu TK1-3: Kết quả Chương trình KH&CN cấp quốc gia năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023 (nếu có).

Biểu TK1-4: Nhân lực và tổ chức KH&CN.

Biểu TK1-5: Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN.

Biểu TK1-6: Văn bản về KH&CN được ban hành.

Biểu TK1-7: Kết quả triển khai thực hiện cơ chế khoán đối với nhiệm vụ KH&CN

Biểu TK1-8: Danh mục đề tài dự án ứng dụng và chuyển giao công nghệ từ năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023.

Biểu TK1-9: Kết quả hoạt động ứng dụng và đổi mới công nghệ năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023.

Bộ Nông nghiệp và PTNT
Đơn vị

Biểu TK1-1

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus</i>
1				
2				
...				
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...</i>
1				
2				
...				
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách

				trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
V	Kết quả khác			<i>Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				
...				

Bộ Nông nghiệp và PTNT
Đơn vị

Biểu TK1-2

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ <i>(Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)</i>	Hiệu quả kinh tế-xã hội <i>(Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)</i>	Ghi chú
1				
2				

Bộ Nông nghiệp và PTNT
Đơn vị

Biểu TK1-3

KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 (NẾU CÓ)

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
1					
2					

Bộ Nông nghiệp và PTNT
Đơn vị

Biểu TK1-4

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động ¹	Nhân lực hiện có đến 30/6/2023						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2022 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6÷9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các đơn vị do cấp bộ, ngành, địa phương quyết định thành lập									
1										
2										
...										
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý									
1										
2										
...										
	Tổng số									

¹ Cơ chế hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN & ĐMST
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai			
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ		
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ		
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ		
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ		
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ		
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ		
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA		
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ		
3	Giám định công nghệ	CN		
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Số nguồn phóng xạ kín			
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn		
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn		
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới			
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị		
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị		
-	Trong An ninh hải quan	Thiết bị		
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)		
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án		
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng		
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở		
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép		
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ		
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn		
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng		
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ		

5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA		
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK		
V	Công tác thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	Tạp chí/bản tin		
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát		
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành</i>	N.vụ		
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ		
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thống kê KH&CN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>		
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện		
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn		
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị		
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc		
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu		
VII	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị		
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ		
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ	Doanh nghiệp		

	nghệ ²			
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HD		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và	Tr.đ		

² Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

- Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).
- Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
- Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
- Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

	dịch vụ KH&CN trên thị trường			
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%		
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp		
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án		
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp		
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức		

Bộ Nông nghiệp và PTNT
Đơn vị

Biểu TK1-7

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ KHOÁN
ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Số nhiệm vụ triển khai năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023		
Tổng số	Khoán đến sản phẩm cuối cùng	Khoán từng phần
Cấp Bộ, Tỉnh		
Cấp cơ sở		

Bộ Nông nghiệp và PTNT

Đơn vị

TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Biểu TK1-8

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Các Hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tên nhiệm vụ khoa học công nghệ. Mã số	Tên đơn vị nhận chuyển giao công nghệ	Thời gian bắt đầu chuyển giao	Hình thức chuyển giao (toàn bộ, một phần)	Nội dung chuyển giao công nghệ	Giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Số đã nộp NSNN về thực hiện chuyển giao công nghệ (không tính các khoản nộp NSNN về thuế)
c	Năm 2022							
1	Đơn vị A							
2	Đơn vị B							
							
	Tổng cộng							

